

Bản án số: 03/2024 /HNGĐ-ST

Ngày: 25/01/2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn; yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền SDD vô hiệu và giải quyết hậu quả pháp lý.”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Vĩnh Thái.

Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Hồng Hải và bà Vi Thị Loan.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Mới.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 81/2023/TLST-HNGĐ ngày 14/6/2023; thụ lý yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số 81A/2023/TLST-HNGĐ ngày 18/9/2023; thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn số 81B/2023/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phùng Mùi P, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh L - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Triệu Văn T, sinh năm: 1989.

Nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh L - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Xuân T - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh L - Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Triệu Kim L, sinh năm 1964 và bà Triệu Thị L, sinh năm 1965.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh L - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh L. Người đại diện hợp pháp: Ông Bùi Văn D - Quyền chủ tịch - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Anh Triệu Văn L, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh L - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank). Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Thế T - Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện V, tỉnh L. Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Trần Hải N - Giám đốc Phòng giao dịch

V - Chi nhánh ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện V, tỉnh L
- Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Phùng Mùi P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Mùi P có tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Triệu Văn T vào ngày 12 tháng 01 năm 2008 tại ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh L. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị P và anh Triệu Văn T bất đồng về tính cách, quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn trầm trọng nhất vào tháng 03 năm 2023, hai vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình, hàng xóm vào cuộc khuyên giải. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được hạnh phúc nên chị đề nghị tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai giải quyết cho chị được ly hôn với anh Triệu Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Triệu Phúc T, sinh ngày 11 tháng 01 năm 2009 và cháu Triệu Phúc Q, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2013. Chị P đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Triệu Phúc T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Triệu Văn T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Triệu Phúc Q cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị P và anh T không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

*Về tài sản chung: Chị Phùng Mùi P xác định vợ chồng có các tài sản chung sau: - Thửa đất số 341, tờ bản đồ số 19, diện tích 143,2 m², loại đất ở nông thôn, địa chỉ thửa đất tại thôn N, xã N, huyện V, tỉnh L đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/12/2022. Trên thửa đất vợ chồng đã xây dựng 01 căn nhà 02 tầng. Tổng giá trị đất và nhà có giá trị 700 triệu đồng, là tài sản chung của vợ chồng. Khi ly hôn chị P đề nghị Tòa án chia cho anh T được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản là đất và nhà nêu trên, anh T có nghĩa vụ thanh toán cho chị 1/2 giá trị tài sản, số tiền 350 triệu đồng.

- 01 đôi quế hơn 10 năm tuổi tại Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh L là tài sản chung của chị P, anh T và bố mẹ chồng chị là ông Triệu Kim L, bà Triệu Thị L. Giá trị cây quế hiện nay là 400 triệu đồng. Khi ly hôn chị P đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Triệu Văn T, ông Triệu Kim L, bà Triệu Thị L được quyền sở hữu toàn bộ cây quế, anh Triệu Văn T, ông Triệu Kim L, bà Triệu Thị L phải thanh toán cho chị ¼ giá trị cây quế, số tiền là 100 triệu đồng.

* Về vay nợ chung: Chị Phùng Mùi P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đến ngày 22/12/2023, chị Phùng Mùi P có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung nêu trên. Chị P chỉ đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề tranh chấp về ly hôn và con chung với bị đơn anh Triệu Văn T.

2. Tại bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn anh Triệu Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh Triệu Văn T trình bày từ năm 2021 chị P đi làm ăn, buôn bán ở ngoài khoảng 3 ngày đến 4 ngày mới về nhà một lần, chị P hay nói xấu, chê bai anh, hiện vợ chồng đã sống ly thân. Anh cũng nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phùng Mùi P.

Về con chung: Anh Triệu Văn T nhất trí với lời trình bày của của chị Phùng Mùi P. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Phùng Mùi P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Triệu Phúc T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Triệu Văn T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Triệu Phúc Q cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh T và chị P không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh không nhất trí với đề nghị chia tài sản như ý kiến của chị P. Lý do: Thửa đất số 341, tờ bản đồ số 19, diện tích 143,2 m², loại đất ở nông thôn tại thôn N, xã N, huyện V là tài sản của bố mẹ anh đã tặng cho riêng anh vào năm 2022, không tặng cho chị P. Năm 2022 anh bận việc nên đưa hồ sơ cho chị P đi làm thủ tục sang tên nên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tên chị P. Còn 01 nhà xây hai tầng xây dựng trên đất là của bố mẹ anh xây dựng vào năm 2017, không phải tài sản của vợ chồng anh. Đối với 01 (một) đôi quê hơn 10 năm tuổi tại Thôn T, xã N, huyện V là tài sản của bố mẹ anh, không liên quan đến anh và chị P.

Về vay nợ chung: Vợ chồng anh vay số tiền 180.000.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Phòng giao dịch V, chi nhánh huyện V, tỉnh L) và 50.000.000 đồng nhờ ông Triệu Văn L đứng tên vay hộ tại ngân hàng chính sách xã hội huyện V từ ngày 23/11/2017, toàn bộ số tiền vay vợ chồng anh dùng để kinh doanh. Anh đề nghị tòa án giải quyết anh và chị P mỗi người phải có nghĩa vụ trả 1/2 số nợ, cụ thể: Số tiền 180.000.000 đồng vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Phòng giao dịch V chi nhánh huyện V, tỉnh L), mỗi người phải trả 90 triệu đồng; Số tiền 50.000.000 đồng nhờ ông Triệu Văn L đứng tên vay, mỗi người phải trả 25.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 22/12/2023 anh Triệu Văn T có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố chia vay nợ chung nêu trên. Anh T chỉ đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn và con chung với nguyên đơn chị Phùng Mùi P.

3. Tại bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Triệu Kim L và bà Triệu Thị L trình bày:

Ông bà thống nhất với lời trình bày của anh T, ông bà xác định anh T và chị P không có tài sản chung gì. Những tài sản gồm: Thửa đất số 341, tờ bản đồ số 19, diện tích 143,2 m², loại đất ở nông thôn tại thôn N, xã N, huyện V là tài sản ông bà đã tặng cho riêng anh T vào năm 2022, không tặng cho chị P. Đối với căn nhà 02 tầng nằm trên diện tích đất này là do vợ chồng ông bà xây dựng năm 2017, không phải tài sản của vợ chồng anh T, chị P. Đối với 01 (một) đôi quê hơn 10 năm tuổi tại Thôn T, xã N, huyện V cũng là tài sản của vợ chồng ông.

Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào ngày 16/11/2022 có nội dung vợ chồng ông bà chuyển nhượng cho vợ chồng anh T, chị P thửa đất số 341, tờ bản đồ số 19, diện tích 143,2 m², loại đất ở nông thôn tại thôn N, xã N, huyện V không phải do ông bà ký, điểm chỉ. Vì vậy, Ông bà đề nghị Tòa án giải quyết: Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có số chứng thực 46/2022 quyền số 01/2022 - SCT/HĐ, GD ngày 16/11/2022 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh L là vô hiệu và giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 22/12/2023 Ông Triệu Kim L và bà Triệu Thị L có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập nêu trên. Ông L, bà L không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề gì.

4. Tại bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã N trình bày:

UBND xã N đã thực hiện chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 46/2022 quyền số 01/2022 - SCT/HĐ, GD ngày 16/11/2022 giữa ông Triệu Kim L, bà Triệu Thị L và anh Triệu Văn T, chị Phùng Mùi P là đúng pháp luật. Việc Ông L, bà L có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập nêu trên UBND xã N nhất trí, không có ý kiến gì.

5. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank). Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Trần Hải N trình bày:

Ngân hàng xác nhận anh T, chị P có vay tiền của ngân hàng như lời trình bày của anh T. Đến nay, ngân hàng đồng ý cho hộ anh Triệu Văn T, chị Phùng Mùi P tiếp tục thực hiện các hợp đồng tín dụng đã ký, Ngân hàng không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề gì trong vụ án này.

6. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Triệu Văn L trình bày:

Ông xác nhận anh T, Chị P có vay của ông số tiền 50 triệu đồng, tuy nhiên đến nay ông không yêu cầu anh T, chị P phải trả nợ. Ông L không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề gì.

Tại phiên Tòa:

- Các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến của mình như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự giải quyết theo hướng:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Mùi P và anh Triệu Văn T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Phùng Mùi P được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Triệu Phúc T, sinh ngày 11/01/2009 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Triệu Văn T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

cháu Triệu Phúc Q, sinh ngày 12 /8/2013 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị P và anh T không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Mùi P về yêu cầu chia tài sản chung và yêu cầu phản tố của anh Triệu Văn T về chia vay nợ chung; yêu cầu độc lập của ông Triệu Kim L và bà Triệu Thị L về việc tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu và giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Triệu Văn T, sinh năm: 1989. ĐKKHKT: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh L, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn. Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; yêu cầu phản tố của bị đơn xác định quan hệ pháp luật là: *“Tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn; yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền SDD vô hiệu và giải quyết hậu quả pháp lý”* theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Chị Phùng Mùi P tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Triệu Văn T vào ngày 12 tháng 01 năm 2008 tại ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh L, hôn nhân là hợp pháp. Đến đầu năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến tình trạng vợ chồng thường xuyên cãi, chửi nhau. Mâu thuẫn trầm trọng nhất vào tháng 03 năm 2023 hai vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Mọi mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình, hàng xóm vào cuộc khuyên giải nhưng không hàn gắn được hạnh phúc. Đến nay, cả chị P và anh T đều thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh T đã trầm trọng, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của các đương sự là phù hợp.

[2] Về con chung:

Anh Triệu Văn T và chị Phùng Mùi P đều đề nghị Tòa án giải quyết cho chị P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Triệu Phúc T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Triệu Văn T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Triệu Phúc Q cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị P và anh T không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp với nguyện vọng của con chung khi cha mẹ ly hôn. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của các đương sự là phù hợp.

[3] Về tài sản, vay nợ chung:

Nguyên đơn chị Phùng Mùi P có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về nội dung chia tài sản khi ly hôn; bị đơn anh Triệu Văn T rút toàn bộ yêu cầu phản tố về nội dung chia vay nợ chung khi ly hôn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Triệu Kim L, bà Triệu Thị L rút toàn bộ yêu cầu độc lập về việc tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu và giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu.

Việc rút các yêu cầu của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết các yêu cầu trên.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Phùng Mùi P phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định Pháp luật. Anh Triệu Văn T, bà Triệu Thị L, ông Triệu Kim L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Triệu Kim L, bà Triệu Thị L, chị Phùng Mùi P, anh Triệu Văn T tiền tạm ứng án phí đã nộp do đã rút các yêu cầu của mình.

[5] Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn về hướng giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 điều 147; Điều 238; Các Điều 217, 218, 219, 235 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phùng Mùi P:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Mùi P được ly hôn với anh Triệu Văn T.

Về con chung: Chị Phùng Mùi P được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Triệu Phúc T, sinh ngày 11 tháng 01 năm 2009 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Triệu Văn T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Triệu Phúc Q, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2013 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị P và anh T không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phùng Mùi P về nội dung chia tài sản chung đối với:

- Thửa đất số 341, tờ bản đồ số 19, diện tích 143,2 m², loại đất ở nông thôn, địa chỉ thửa đất tại thôn N, xã N, huyện V, tỉnh L đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/12/2022 và tài sản trên thửa đất là 01 (một) căn nhà hai tầng.

- 01 (một) đôi cây quế hơn 10 (mười) năm tuổi tại Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh L.

3. Đình chỉ đối với yêu cầu phản tố của bị đơn anh Triệu Văn T về nội dung chia số tiền vay nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Phòng giao dịch V, chi nhánh huyện V, tỉnh L) theo hợp đồng tín dụng số 8809 - LAV-202101969 ngày 04/10/2021; Đình chỉ đối với yêu cầu phản tố của bị đơn anh Triệu Văn T về nội dung chia số tiền vay nợ anh Triệu Văn L số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

4. Đình chỉ đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Triệu Kim L và bà Triệu Thị L về nội dung: Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có số chứng thực 46/2022 quyền số 01/2022 - SCT/HĐ, GD ngày 16/11/2022 của Ủy ban nhân dân xã N huyện V, tỉnh L là vô hiệu và giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu.

Đương sự có quyền khởi kiện lại đối với nội dung vụ án đã đình chỉ theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí:

- Chị Phùng Mùi P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.000.000đ (hai mươi tư triệu đồng) theo biên lai ký hiệu AC-21P số 0004480 ngày 14/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Chị Phùng Mùi P được trả lại 23.700.000đ (hai mươi ba triệu bảy trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

- Trả lại cho ông Triệu Kim L 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm số tiền đã nộp theo biên lai ký hiệu AC-21P số 0004512 ngày 18/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

- Trả lại cho bà Triệu Thị L 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm số tiền đã nộp theo biên lai ký hiệu AC-21P số 0004511 ngày 18/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

- Trả lại cho anh Triệu Văn T 6.750.000đ (Sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai ký hiệu AC-21P số 0004522 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 7c và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Sở tư pháp;
- UBND xã N;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- Lưu HS, LĐ, TP, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Vĩnh Thái